

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 92/2020/DS-PT
Ngày: 13 – 5 – 2020
V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Tấn

Các Thẩm Phán: Ông Huỳnh Văn Út

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tr tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 146/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tr bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐ – PT ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U .

Địa chỉ: Ấp X, xã N, huyện U , tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn H - Chức vụ: Chủ tịch, kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U . Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Châu Quốc V - Chức vụ: Trưởng bộ phận pháp chế Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U (Có mặt).

- Bị đơn: Anh Dương Văn L , sinh năm 1979 và Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1984; Cùng trú tại: Ấp Y, xã Kh, huyện Tr , tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trịnh Xuân Tr, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, N, khóm Z, pH Y, thành phố C , tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

2. Ông Trịnh Công U , sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp Y, xã Kh, huyện Tr , tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Minh Ph , sinh năm 1941.

Địa chỉ: Số Z, N, khóm X, pH Y, thành phố C, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).
Người kháng cáo: Anh Dương Văn L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U trình bày: Vào ngày 22/9/1995 Lâm Ngư trường Tr (nay là Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U) ký kết Hợp đồng liên kết sản xuất tổng hợp lâm ngư nghiệp số 09 với ông Nguyễn Minh Ph, diện tích 58ha, tại khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr, đến ngày 30/12/2010 hết hạn hợp đồng. Ngày 17/10/2016, ông Ph làm giấy thỏa thuận giao cho bà Trịnh Xuân Tr chịu trách nhiệm thay ông Ph đại diện thanh lý hợp đồng với Công ty. Ngày 11/11/2016, Công ty căn cứ vào giấy thỏa thuận nêu trên thanh lý hợp đồng với bà Trịnh Xuân Tr theo hợp đồng số 09 mà Công ty đã ký với ông Ph. Sau đó, Công ty với bà Tr ký Hợp đồng kinh tế hợp tác đầu tư trồng rừng số 28. Tổng diện tích 67,34ha tại khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr. Sau khi ký hợp đồng, bà Tr phát hiện bị đơn đang quản lý sử dụng diện tích 87.267m². Nay, Công ty khởi kiện yêu cầu bị đơn anh Dương Văn L và chị Nguyễn Thị H giao trả phần đất diện tích 87.267m², thuộc khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr, tọa lạc tại ấp X, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau (theo Bản đồ hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 31/8/2018 của Công ty), để Công ty thực hiện theo hợp đồng đã ký với bà Tr.

Bị đơn Dương Văn L, Nguyễn Thị H trình bày: Phần đất mà Công ty kiện đòi có nguồn gốc từ việc ông Ph chuyển nhượng thành quả lao động cho ông Trịnh Công U vào ngày 20/5/2006. Sau đó, ông U mới chuyển nhượng lại thành quả lao động cho bị đơn. Từ khi nhận đất, bị đơn đã canh tác liên tục, thực hiện nghĩa vụ, nội quy, quy định của Công ty, được Công ty đồng ý ghi tên vào danh sách của liên doanh, do ông Ph đứng tên ký hợp đồng với Công ty. Ngoài việc, ông Ph chuyển nhượng cho ông U thì ông Ph còn chuyển nhượng cho Phạm Điền T 15ha, Tô Văn Mướt 10ha. Khi Công ty ký hợp đồng với bà Tr, Công ty không có mời các đối tác liên doanh hợp tác để thông báo thay đổi người đại diện. Nay, Công ty kiện đòi đất thì bị đơn đồng ý trả nhưng Công ty phải bồi hoàn thành quả lao động trên đất cho bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Xuân Tr trình bày: Vào năm 1995, ông Trịnh Minh A (là cha ruột bà) và ông Ph có thỏa thuận hợp tác để nhận rừng của Công ty. Theo thỏa thuận, ông Ph là người trực tiếp ký hợp đồng với Công ty để nhận giao khoán đất rừng. Năm 2004, ông A mất, ông Trịnh Minh Kh (anh của bà) được gia đình thống nhất giao quản lý phần đất của ông A, cùng với ông Ph. Đến năm 2015, ông Ph ủy quyền cho bà trực tiếp khai thác phần đất mà ông Ph ký hợp đồng với Công ty. Ông Ph xác định tuổi già, không thể trực tiếp quản lý nên đã

chuyển giao lại cho bà. Việc thỏa thuận này, giữa bà với ông Ph được Công ty thống nhất tại biên bản làm việc ngày 10/6/2016. Ông Kh đã thanh toán đầy đủ giá trị đầu tư cho ông Ph như đã thỏa thuận. Ông Ph đã làm thủ tục chuyển giao đất theo hợp đồng giao khoán cho bà. Nhưng, trong giai đoạn ký hợp đồng thì đến tháng 8/2016 Ông Kh mất. Bà được gia đình thống nhất giao cho bà trực tiếp quản lý toàn bộ phần đất trên, được Công ty thống nhất. Đến ngày 11/11/2016, Công ty đã ký hợp đồng số 28 hợp tác đầu tư phần đất 67,3ha tại khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr cho bà quản lý sử dụng. Ngày 14/11/2016, bị đơn đã ngang nhiên đưa xáng vào mức tại phần đất mà bà được giao khoán. Bà có làm đơn yêu cầu gửi Công ty xem xét, buộc anh L phải ngưng thi công và ra khỏi phần đất. Sau đó, Công ty có ngăn không cho anh L đưa cơ giới vào mức đất và cải tạo đất rừng nhưng đến ngày 23/11/2016 anh L lại ngang nhiên tiếp tục vào phần đất để cải tạo và trồng tràm, dẫn đến ảnh hưởng quyền lợi của bà. Bà nhiều lần khiếu nại đến Công ty về việc Công ty không quản lý được đất để anh L canh tác trên đất. Do đó, bà hoàn toàn thống nhất việc Công ty kiện bị đơn trả đất, để Công ty giao đủ đất như ký hết tại hợp đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trịnh Công U trình bày: Năm 2006, do yêu cầu thay đổi cơ cấu, mở rộng đầu tư, quy hoạch lại rừng. Ông Ph có thỏa thuận với ông ký hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động không thời hạn. Ông Ph chuyển nhượng thành quả lao động không thời hạn cho ông diện tích 8ha, tại khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr, tọa lạc tại ấp X, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau. Hai bên thỏa thuận giá thành quả lao động là 35.000.000 đồng (thời điểm năm 2006). Ông đã thanh toán cho ông Ph vào tháng 5/2006. Đến năm 2016, ông đã chuyển thành quả lại cho anh Dương Văn L và chị Nguyễn Thị H. Đến khoảng năm 2017, 2018 được Công ty thiết kế khai thác rừng theo quy định của Công ty. Phần này anh L thực hiện được Công ty chấp nhận. Từ đó, anh L canh tác liên tục, cải tạo trồng rừng, bảo vệ rừng và phòng chống cháy. Đồng thời, anh L thực hiện tốt nghĩa vụ, nội quy, quy định của Công ty. Như vậy, Công ty cho rằng anh L chiếm đất và buộc anh L trả đất là không phù hợp. Thực tế, phần đất 8ha mà ông Ph chuyển nhượng cho ông thì được Công ty chấp nhận và đã có tên trong danh sách của liên doanh. Phần đất 8ha mà ông và anh L quản lý, đã thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Công ty từ năm 2006 đến nay không vi phạm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Minh Ph trình bày: Trước đây, vào ngày 22/9/1995 giữa ông và Công ty có Hợp đồng liên kết sản xuất tổng hợp lâm ngư nghiệp số 09, diện tích 58ha, tại khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr, đến ngày 30/12/2010 hết hạn hợp đồng. Ông đã thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng, không vi phạm. Đến ngày 17/10/2016, ông làm giấy thỏa thuận

giao cho bà Trịnh Xuân Tr chịu trách nhiệm thay ông đại diện thanh lý hợp đồng với Công ty. Sau đó, Công ty đã thanh lý hợp đồng với bà Tr theo hợp đồng số 09 mà Công ty đã ký với ông. Tiếp đến, Công ty với bà Tr ký Hợp đồng kinh tế hợp tác đầu tư trồng rừng số 28. Tổng diện tích 67,34ha tại khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr. Vào ngày 20/5/2006, ông có ký Hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động với ông U phần đất 8ha tại khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr. Mục đích của việc ký hợp đồng, là do ông U có nhu cầu liên kết đầu tư trồng rừng. Nguyên tắc khi khai thác xong, ăn chia với các đối tác, thực hiện nghĩa vụ với Công ty thì có trách nhiệm trả đất lại cho Công ty, khi hết hạn hợp đồng giữa ông với Công ty. Tuy nhiên, ông U đã không thực hiện đúng cam kết, không trả đất lại cho Công ty, mà chuyển lại cho bị đơn là không đúng, vi phạm điều cấm trong hợp đồng. Hơn nữa, việc ông U tự chuyển nhượng lại cho bị đơn thì ông không biết. Công ty kiện bị đơn trả đất là phù hợp. Ông U tự chịu trách nhiệm với bị đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 146/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Tr quyết định:

Tuyên xử: Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động ngày 20/5/2006 ký giữa ông Nguyễn Minh Ph với ông Trịnh Công U và Hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và tài sản gắn liền với đất vào ngày 04/3/2016 ký giữa ông Trịnh Công U với anh Dương Văn L và chị Nguyễn Thị H là vô hiệu. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U, buộc anh Dương Văn L, chị Nguyễn Thị H tự thu hoạch và di dời toàn bộ cây, kiến trúc do bị đơn trồng và xây cất ra khỏi phần đất, để trả đất cho Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U phần đất diện tích: 87.267m² (Vị trí phần đất: Hướng Bắc giáp phần đất rừng của Trịnh Xuân Tr dài 457 mét; Hướng Nam giáp phần đất Nguyễn Hoài Tâm dài 526 mét; Hướng Đông giáp phần đất rừng của Trịnh Xuân Tr ngang 160 mét; Hướng Tây Kênh 86 ngang 160 mét), thuộc khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr, tọa lạc tại ấp X, xã Kh, huyện Tr, tỉnh Cà Mau (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/8/2018 và Bản đồ hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 31/8/2018 của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật quy định của pháp luật.

Ngày 28/11/2019, anh Dương Văn L có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu xét xử phúc thẩm xem xét thành quả lao động trên đất và số tiền 80 triệu đồng khi nhận chuyển nhượng thành quả lao động.

Tại phiên tòa, anh L giữ nguyên kháng cáo.

Sau khi phát biểu ý kiến về chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng

dân sự. Về nội dung đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Dương Văn L và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của anh L , căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên thấy rằng:

[1] Phần đất tranh chấp 87.267m² thuộc khoảnh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr tại ấp X, xã Kh, huyện Tr , tỉnh Cà Mau là của Lâm Ngư trường Tr (nay là Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U), được Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1995, Công ty có ký với ông Ph hợp đồng liên kết sản xuất tổng hợp lâm ngư nghiệp, theo đó Công ty có cho ông Ph thuê 58ha, trong đó có phần đất tranh chấp 87.267m²; Phần đất này ông Ph chuyển nhượng thành quả lao động cho ông Trịnh Công U vào ngày 20/5/2006 và ông U mới chuyển nhượng lại thành quả lao động cho anh L , chị H . Thời hạn hợp đồng giữa ông Ph và Công ty kể từ ngày 22/9/1995 đến ngày 30/12/2010 nhưng hiện nay anh L , chị H còn quản lý phần đất này, nên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty buộc anh L , chị H trả lại đất tranh chấp là có căn cứ.

[2] Anh L đồng ý trả lại phần đất tranh chấp, nhưng anh L chỉ kháng cáo trong phạm vi yêu cầu xem xét phần hoàn lại cho anh giá trị tài sản đã đầu tư trên đất như: Đầu tư trồng Tràm, cây ăn trái, hoa màu và đào kênh mương. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng thừa nhận Tràm chưa đến tuổi khai thác, trước khi khai thác phải có sự kiểm tra, thẩm định về mặt chuyên môn của Công ty Lâm nghiệp. Đối với cây ăn trái, hoa màu nếu di dời sẽ rất khó khăn, giảm giá trị sử dụng và có thể xảy ra thiệt hại, khi nhận lại đất thì Công ty nhận luôn phần giá trị Kênh mương. Án sơ thẩm, buộc anh L và chị H tự khai thác, di dời cây trồng trên đất là không phù hợp. Do đó, cần giao toàn bộ cây trồng, hoa màu, kênh mương trên đất tranh chấp cho Công ty Lâm nghiệp quản lý, sử dụng, khai thác và Công ty có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cho anh L , chị H .

[3] Theo kết quả định giá tài sản ngày 01/10/2018 giá trị kênh mương là 348.992.000 đồng; cây cối hoa màu trên đất 1.375.127.800 đồng. Sau khi có kết quả định giá phía Công ty yêu cầu định giá lại. Tại kết quả định giá lại ngày 09/11/2018 giá trị kênh mương là 109.692.000 đồng; cây cối hoa màu trên đất 390.259.000 đồng và được Hội đồng định giá giải thích tại Công văn số 01/CV-TCKH ngày 10/12/2018. Sau khi định giá lại các đương sự không có khiếu nại, quá trình giải quyết vụ án các đương sự cũng không đặt ra, khi xét xử sơ thẩm các đương sự không có kháng cáo nội dung này. Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự cũng không yêu cầu định giá lại. Do đó, cần lấy kết quả định giá lại ngày 09/11/2018 làm

căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp. Như vậy, Công ty Lâm nghiệp có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản, giá trị đầu tư cho anh L và chị H là 499.951.000 đồng, trừ với số tiền 1.500.000 đồng chi phí tố tụng anh L và H có nghĩa vụ trả cho Công ty, số tiền còn lại Công ty phải trả cho anh L và chị H là 498.451.000 đồng.

[4] Đối với số tiền 80.000.000 đồng anh L , chị H đã giao cho ông U khi chuyển nhượng thành quả lao động, xét thấy đây là nội dung liên quan đến hậu quả của hợp đồng vô hiệu mà cấp sơ thẩm chưa xem xét, nên cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét yêu cầu này của anh L . Nếu ông U và anh L , chị H không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu bằng một vụ kiện khác.

[5] Đối với án phí sơ thẩm, án sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp là quyền sử dụng đất nhưng không phải xác định giá đất, nên án phí sơ thẩm là án phí không có giá ngạch theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Án sơ thẩm buộc anh L , chị H phải chịu 52.270.150 đồng là không phù hợp.

Từ những nhận định trên, cần sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên anh L không phải chịu.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Dương Văn L , sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 146/2019/DS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U về việc yêu cầu anh Dương Văn L , chị Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất 87.267m² .

2. Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động ngày 20/5/2006 ký giữa ông Nguyễn Minh Ph với ông Trịnh Công U và Hợp đồng chuyển nhượng thành quả lao động và tài sản gắn liền với đất vào ngày 04/3/2016 ký giữa ông Trịnh Công U với anh Dương Văn L và chị Nguyễn Thị H là vô hiệu.

3. Buộc Dương Văn L , chị Nguyễn Thị H di dời nhà, kiến trúc để trả đất cho Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U phần đất diện tích: 87.267m² (Vị trí phần đất: Hướng Bắc giáp phần đất rừng của Trịnh Xuân Tr dài 457 mét; Hướng Nam giáp phần đất Nguyễn Hoài Tâm dài 526 mét; Hướng Đông giáp phần đất rừng của Trịnh Xuân Tr ngang 160 mét; Hướng Tây Kênh 86 ngang 160 mét), thuộc khoanh 3, tiểu khu 053, Liên tiểu khu Tr , tọa lạc tại ấp X, xã Kh, huyện Tr , tỉnh Cà Mau (theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 31/8/2018 và Bản đồ hiện trạng phần đất tranh chấp ngày 31/8/2018 của Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U).

4. Buộc Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U trả cho anh Dương Văn L , chị Nguyễn Thị H giá trị đầu tư, cây trồng trên đất số tiền 498.451.000 đồng. Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U có quyền quản lý, sử dụng, khai thác kênh mương, cây trồng, hoa màu trên đất.

5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

7. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn anh Dương Văn L , chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng. Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp U đã dự nộp số tiền 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008292 ngày 15/6/2018 và số tiền 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0002998 ngày 22/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

8. Án phí phúc thẩm: Anh L không phải chịu, ngày 28/11/2019 đã dự nộp 300.000 đồng lai số 0002892 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tr được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Hồ Minh Tấn

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Út Hoàng Thị Hải

Hà Hồ Minh Tấn

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn; NCQLNVLQ (05b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

